

ĐỀ CHÍNH THỨC
Đề có 1 trang

Bài 1: (2,25 điểm) Thực hiện phép tính sau:

- a) $(-32) + (-68) - (-20)$
- b) $18 \cdot 74 + 18 \cdot 22 + 18 \cdot 4$
- c) $2022^0 + 4^9 : 4^6 - 5^2 \cdot 2^1$

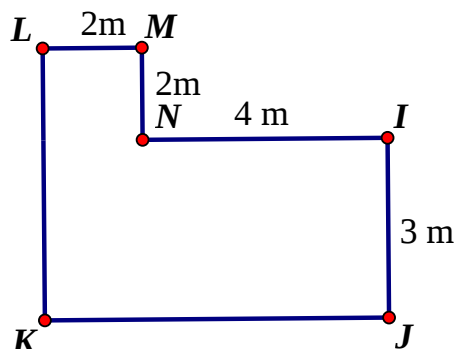
Bài 2: (2,25 điểm)

- a) Tìm số tự nhiên x , biết: $20 : x$ và $5 < x < 20$.
- b) Tìm số nguyên x , biết:
 - 1) $3x - 15 = (-6)$
 - 2) $2(x + 5) + 8 = (-4)$

Bài 3: (0,5 điểm) Vẽ hình vuông $ABCD$ biết độ dài cạnh bằng 3 cm.

Bài 4: (1,5 điểm) Ông Tư có mảnh đất như hình vẽ. Biết $LM = 2\text{m}$, $MN = 2\text{m}$, $NI = 4\text{m}$, $IJ = 3\text{m}$.

- a) Ông Tư muốn rào xung quanh mảnh đất bằng kẽm gai. Hãy giúp ông Tư tính số mét kẽm gai cần mua?
- b) Tính diện tích mảnh đất.

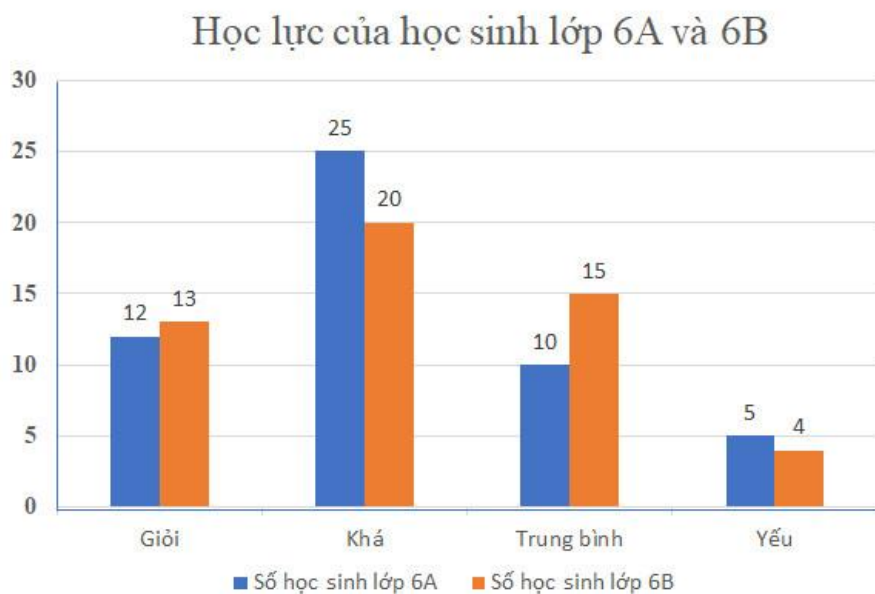


Bài 5: (1 điểm) Bà Tư mang theo một số tiền đi đến cửa

hàng tạp hóa để mua gạo. Nếu bà mua gạo loại thường có giá 12 000 đồng 1 kg thì bà mua được 40 kg gạo. Hỏi với cùng số tiền đó, nếu bà mua loại gạo thơm Jasmine có giá 16 000 đồng 1 kg thì bà mua được bao nhiêu kg gạo?

Bài 6: (1 điểm) Để phòng chống dịch Covid – 19, bệnh viện Quận Tân Bình đã thành lập các đội phản ứng nhanh bao gồm 16 bác sĩ hồi sức cấp cứu, 24 bác sĩ đa khoa và 64 điều dưỡng viên. Hỏi có thể thành lập nhiều nhất bao nhiêu đội phản ứng nhanh, trong đó các bác sĩ và điều dưỡng viên được chia đều vào mỗi đội? Khi đó, mỗi đội có bao nhiêu bác sĩ hồi sức cấp cứu, bác sĩ đa khoa và điều dưỡng viên?

Bài 7: (1,0 điểm) Cho biểu đồ cột kép xếp loại học lực hai lớp 6A và 6B



a) Số học sinh giỏi của cả hai lớp 6A và 6B là bao nhiêu học sinh?

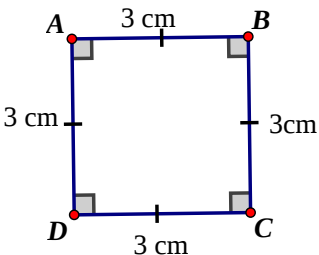
b) Số học sinh khá của lớp nào ít hơn và ít hơn bao nhiêu học sinh?

Bài 8: (0,5 điểm) Cho $A = 1 + 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{96} + 3^{97} + 3^{98} + 3^{99}$.

Chứng minh rằng: $A \vdots 40$

-Hết-

HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2022 – 2023
MÔN TOÁN – LỚP 6

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
Bài 1	a) $(-32) + (-68) - (-20) = -(32 + 68) + 20 = (-100) + 20 = -(100 - 20) = -80$	0,75
	b) $18 \cdot 74 + 18 \cdot 22 + 18 \cdot 4 = 18 \cdot (74 + 22 + 4) = 18 \cdot 100 = 1800$	0,75
	c) $2022^0 + 4^9 : 4^6 - 5^2 \cdot 2^1 = 1 + 4^3 - 25 \cdot 2 = 1 + 64 - 50 = 65 - 50 = 15$	0,75
Bài 2	a) $20 \vdots x$ và $5 < x < 20$. $\Rightarrow x \in U(20) = \{1; 2; 4; 5; 10; 20\}$ Vì $5 < x < 20$ nên $x = 10$	0,75
	b) $3x - 15 = (-6)$ $3x = (-6) + 15$ $3x = 15 - 6$ $3x = 9$ $x = 9 : 3 = 3$	0,75
	c) $2(x + 5) + 8 = (-4)$ $2(x + 5) = (-4) - 8$ $2(x + 5) = (-4) + (-8)$ $2(x + 5) = (-12)$ $x + 5 = (-12) : 2 = -6$ $x = (-6) - 5 = (-6) + (-5) = -11$	0,75
Bài 3		0,5
Bài 4	a) Số mét kẽm gai cần mua: $2 + 2 + 4 + 3 + 6 + 5 = 22$ (m) b) Diện tích mảnh đất: $2 \cdot 5 + 3 \cdot 4 = 22$ (m ²)	1,5
Bài 5	Số tiền bà Tư dùng để mua 40kg gạo thường: $40 \cdot 12000 = 480000$ (đồng) Số kg gạo thơm Jasmine bà Tư mua được: $480000 : 16000 = 30$ (kg)	0,5 0,5
Bài 6	Gọi x (đội) là số đội nhiều nhất có thể chia được ($x \in \mathbb{N}^*$) Theo đề bài ta có: $16 \vdots x$; $24 \vdots x$; $64 \vdots x$ và x lớn nhất $\Rightarrow x = \text{ƯCLN}(16; 24; 64)$ $16 = 2^4$; $24 = 2^3 \cdot 3$; $64 = 2^6$ $x = \text{ƯCLN}(16; 24; 64) = 2^3 = 8$ Vậy có thể chia được nhiều nhất thành 8 đội.	1

	Khi đó: Số bác sĩ hồi sức cấp cứu của mỗi đội là: $16 : 8 = 2$ (người) Số bác sĩ đa khoa của mỗi đội là: $24 : 8 = 3$ (người) Số điều dưỡng viên của mỗi đội là: $64 : 8 = 8$ (người)	
Bài 7	a) Số học sinh giỏi của cả hai lớp 6A và 6B là $12 + 13 = 25$ (học sinh) b) Số học sinh khá của lớp 6B ít hơn: $25 - 20 = 5$ (học sinh)	1
Bài 8	Ta có : $A = 1 + 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{99}$ $A = (1 + 3 + 3^2 + 3^3) + (3^4 + 3^5 + 3^6 + 3^7) + \dots + (3^{96} + 3^{97} + 3^{98} + 3^{99})$ $A = 40 + 3^4 \cdot (1 + 3 + 3^2 + 3^3) + \dots + 3^{96} \cdot (1 + 3 + 3^2 + 3^3)$ $A = 40 + 3^4 \cdot 40 + \dots + 3^{96} \cdot 40 = 40 \cdot (1 + 3^4 + \dots + 3^{96}) : 40$ Vậy $A = 1 + 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{99} : 40$	0,5

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ I - MÔN TOÁN – LỚP 6

TT (1)	Chương/Chủ đề (2)	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4-11)				Tổng % điểm (12)
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Số tự nhiên	Thực hiện phép tính cộng, trừ nhân, chia, lũy thừa với số mũ tự nhiên	1 (0,75đ) (B1-b)	1 (0,75đ) (B1-c)			15%
		Tìm x là ước, bội, BC, ƯC, BCNN, ƯCLN của số tự nhiên	1 (0,75đ) (B2-a)				7,5 %
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên				1 (0,5đ) (B8)	5%
2	Số nguyên	Thực hiện phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số nguyên.	1 (0,75đ) (B1-a)				7,5%
		Tìm x trên tập hợp số nguyên		1 (0,75đ) (B2-b)	1 (0,75đ) (B2-c)		15%
3	Toán thực tế	Các bài toán về ƯC, BC, ƯCLN, BCNN			1 (1đ) (B6)		10%
		Bài toán về tính tiền			1 (1đ) (B5)		10%
4	Các hình phẳng trong thực tiễn	Vẽ hình vuông, tam giác đều, hình chữ nhật	1 (0,5đ) (B3)				5%

		Tính chu vi, diện tích hình đa giác.		1 (1,5đ) (B4)			15%
5	Một số yếu tố thống kê.	Đọc biểu đồ	2 (1đ) (B7-a,b)				10%
Tổng			6 câu 3,75 điểm	3 câu 3 điểm	3 câu 2,75 điểm	1 câu 0,5 điểm	13 câu 10 điểm
Tỉ lệ %			37,5%	30%	27,5%	5%	100%
Tỉ lệ chung			67,5%		32,5%		100%

BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I MÔN TOÁN - LỚP 6

TT (1)	Chương/ Chủ đề (2)	Đơn vị kiến thức	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4-11)			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Số tự nhiên	Thực hiện phép tính cộng, trừ nhân, chia, lũy thừa với số mũ tự nhiên	Nhận biết: -Biết thứ tự thực hiện phép tính cộng trừ nhân chia Thông hiểu: - Thực hiện đúng thứ tự thực hiện phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa.	1(TL)	1(TL)		
		Tìm x là ước, bội, BC, ƯC, BCNN, ƯCLN của số tự nhiên	Nhận biết: - Biết cách tìm ước, bội, ƯC, BC, ƯCLN, BCNN trong tập hợp số tự nhiên	1(TL)			
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên	Vận dụng cao: - Biết chứng minh tính chia hết của một tổng lũy thừa				1(TL)
2	Số nguyên	Thực hiện phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số nguyên.	Nhận biết: -Biết thực hiện phép tính cộng, trừ, nhân, chia trong tập số nguyên	1(TL)			
		Tìm x trên tập hợp số nguyên	Thông hiểu: -Tìm x trong các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp các số nguyên. Vận dụng -Vận dụng được thứ tự thực hiện phép tính cộng, trừ, nhân, chia, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên để tính toán		1(TL)	1(TL)	
3	Toán thực tế	Các bài toán về ƯC, BC, ƯCLN, BCNN	Vận dụng:			1(TL)	

			- Biết cách tìm ƯC, BC, ƯCLN, BCNN của các số tự nhiên thông qua bài toán có lời giải				
		Bài toán về tính tiền	Vận dụng: - Biết cách tính tiền các bài toán thực tế đơn giản.			1(TL)	
4	Các hình phẳng trong thực tiễn	Vẽ hình vuông, tam giác đều, hình chữ nhật	Nhận biết: - Nhận dạng về tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật.	1(TL)			
		Tính chu vi, diện tích hình đa giác.	Vận dụng : - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đa giác.		1(TL)		
5	Một số yếu tố thống kê.	Đọc biểu đồ	Nhận biết: - Đọc và mô tả các dữ liệu trên các loại biểu đồ	2(TL)			
Tổng số câu				6 câu	3 câu	3 câu	1 câu
Tỉ lệ %				37,5%	30%	27,5%	5%
Tỉ lệ chung				67,5%		32,5%	